**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ MỚI**
**TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/DS-ST
Ngày: 11/10/2019.
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng;**

2. Ông **Đặng Văn Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C – tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 318/2019/TLST- DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2019/QĐST – DS ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh V, sinh năm 1980; anh Trần Thanh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 07, ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền ngày 16/6/21019 và ngày 01/7/2019(có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1965, ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày: Vào ngày 19.10.2016 ông Trươc, bà T1 có vay tiền của anh P, chị V số tiền 13.550.000 đồng có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.125%/tháng, không hẹn thời gian trả, mỗi tháng đóng lãi một lần, ông T, bà T1 có đóng lãi đến tháng 6/2019 thì không đóng tiếp tục, sau đó ông T, bà T1 có trả được số tiền vốn 4.936.000 đồng, còn lại số tiền 8.614.000 đồng không trả cho đến nay. Nay anh P, chị V yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả cho anh P, chị V số tiền 8.614.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến T thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 19/10/2016 anh P, chị V có cho ông T, bà T1 vay số tiền 13.550.000 đồng, có làm biên nhận nợ giữa hai bên, lãi suất thỏa thuận 1.125%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, từ khi vay đến nay ông T, bà T1 có trả được số tiền vốn 4.936.000 đồng, có  đóng lãi đến tháng 6/2019 thì không đóng cho đến nay. Nay anh P, chị V yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền vốn gốc còn lại là 8.614.000 đồng, không yêu cấu tính lãi.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà Phạm Thị T1, ông Nguyễn Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng ông bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị T1 có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị T1 được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1.

[2] Qua lời trình bày của chị T đại diện ủy quyền cho nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa anh P, chị V với ông T, bà T1 có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào ngày 19.10.2016 ông T1, bà T có vay tiền của anh P, chị V số tiền 13.550.000 có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.125%/tháng, không hẹn thời gian trả, mỗi tháng đóng lãi một lần, ông T, bà T1 có đóng lãi đến tháng 6/2019 thì không đóng tiếp tục, sau đó ông T, bà T1 có trả được số tiền vốn 4.936.000 đồng, còn lại số tiền 8.614.000 đồng không trả cho đến nay. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T1, ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi chị V, anh P có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của anh chị. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà T1, ông T vắng mặt và cũng không gửi ý kiến trình bày để Hội đồng xét xử xem xét, chị V, anh P xuất trình chứng cứ là biên nhận nợ giữa vợ chồng ông T, bà T1 do vậy anh P, chị V yêu cầu bà T1, ông T có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền vốn vay 8.614.0000 đồng (tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy giữa ông T, bà T1 đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa nên anh P, chị V yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả số nợ cho anh chị là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, anh P, buộc ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả cho anh P, chị V số tiền vay 8.614.0000 đồng (tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng)

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa chị T đại diện ủy quyền cho anh P, chị V không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị T1, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P, chị Nguyễn Thanh V

- Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thanh P, chị Nguyễn Thanh V số tiền vốn vay 8.614.000 đồng (tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng)

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Nguyễn Thanh T, bà Phạm Thị T1 phải chịu án phí 430.700 đồng (bốn trăm ba mươi ngàn bảy trăm đồng).

- Anh Trần Thanh P, chị Nguyễn Thanh V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013326 ngày 15.7.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.